

# LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP

## QUYỂN 5

### Phẩm 1: ĐỂ TRONG PHẦN QUYẾT TRẠCH

(Phần 3)

Thế nào là Diệt đế? Là tướng, sâu xa, thế tục, thắng nghĩa, không viên mãn, viên mãn, không trang nghiêm, có trang nghiêm, hữu dư, vô dư, tối thắng, sai khác, phân biệt diệt đế.

Thế nào là tướng? Là chân như thánh đạo, phiền não bất sinh. Hoặc chỗ nương của diệt, hoặc chủ thể diệt, hoặc tánh diệt, là tướng của diệt đế. Như Đức Thế Tôn nói: “Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý, tại xứ này gọi là diệt rốt ráo không còn sót”. Lại nói: “Do đó nay các ông phải quán xứ, điều gọi xứ này là nhân diệt rốt ráo xa lìa sắc tướng, cho đến ý diệt rốt ráo xa lìa pháp tướng”. Do đạo lý này hiển bày sở duyên, pháp hữu lậu diệt trên cảnh chân như, là tướng của diệt đế.

Thế nào là sâu xa? Là các hành vắng lặng rốt ráo, như vậy vắng lặng đối với các hạnh kia, không thể nói là khác, không thể nói không khác, chẳng thể nói vừa khác vừa không khác, chẳng thể nói phi dị phi bất dị. Vì sao? Vì không hý luận. Đối với nghĩa này nếu sinh hý luận thì chẳng phải chánh tư nghi, phi đạo, phi như, cũng không phải là phương tiện thiện xảo nơi tư. Như Đức Thế Tôn nói: “Sáu xứ này đều là dục, diệt vắng lặng, ẩn. Hoặc nói hữu dị, hoặc nói vô dị, hoặc nói vừa hữu dị vừa vô dị. Hoặc nói phi hữu dị phi vô dị, là đối với vô hý luận liền sinh hý luận, cho đến có sáu xứ có thể có các hý luận, sáu xứ đã diệt dứt bật các hý luận tức là Niết-bàn.

Thế nào là thế tục? Là dùng đạo thế gian mà hàng phục các hạt giống có thể diệt được, do đó đức thế tôn gọi riêng là bỉ phần Niết-bàn.

Thế nào là thắng nghĩa? Là dùng thánh tuệ trừ sạch hẳn các hạt giống có thể diệt được.

Thế nào là không viên mãn? Là tất cả diệt của các bậc Hữu học,

hoặc thuộc về quả Dự lưu, hoặc thuộc về quả Nhất lai, hoặc thuộc về quả Bất hoàn.

Thế nào là viên mãn? Là tất cả diệt của các bậc thuộc Vô học quả A-la-hán.

Thế nào là không trang nghiêm? Là tất cả diệt của A-la-hán tuệ giải thoát.

Thế nào là có trang nghiêm? Là tất cả diệt của câu phần giải thoát, ba minh, sáu thông của A-la-hán.

Thế nào là hữu dư? Là diệt hữu dư y .

Thế nào là vô dư? Là diệt vô dư y.

Thế nào là tối thắng? Là tất cả diệt thuộc về Niết-bàn vô trụ của Phật Bồ-tát, vì thường an trụ nơi sự lợi lạc của hữu tình.

Thế nào là sai khác? Là dứt hẳn vô dư, xuất hẳn, mưa hẳn, tận, lìa đục, diệt, vắng lặng, một (mất)...

Tại sao gọi là dứt hẳn vô dư? Là dứt hẳn không còn sót. Do những câu khác.

Tại sao gọi là xuất hẳn? Là ra khỏi hẳn các triền.

Tại sao gọi là mưa hẳn? Là vớt bỏ hẳn tùy miên.

Tại sao gọi là tận? Là kiến đạo đối trị được lìa trói buộc.

Tại sao gọi là lìa đục? Là tu đạo đối trị được lìa trói buộc.

Tại sao gọi là diệt? Là trong vị lai quả khổ kia bất sinh.

Tại sao gọi là vắng lặng? Là quả kia trong hiện pháp, tâm khổ không bao giờ hiện hành.

Tại sao gọi là một? Là tất cả sự khác diệt mất hẳn.

Tại sao diệt này lại gọi là vô vi? Vì lìa ba tướng.

Tại sao diệt này lại gọi là khó thấy? Vì siêu vượt cảnh của thiên nhãn và nhục nhãn.

Tại sao diệt này lại gọi là bất chuyển? Vì lìa hẳn mọi chuyển sai khác ở các cõi.

Tại sao diệt này lại gọi là không khuấy lấp? Vì lìa ba thứ ái.

Tại sao diệt này lại gọi là cam lộ? Vì lìa ma uẩn .

Tại sao diệt này lại gọi là vô lậu? Vì lìa hẳn tất cả ma phiền não.

Tại sao diệt này lại gọi là nhà cửa? Vì là chỗ nương của hỷ lạc vô tội.

Tại sao diệt này lại gọi là cồn bãi? Vì cách ngăn ba cõi.

Tại sao diệt này lại gọi là hoàng tể (cứu giúp rộng lớn)? Vì có khả năng ngăn che tất cả tai họa của đại khổ.

Tại sao diệt này lại gọi là quy y? Vì không có nơi chốn nương tựa

của phương tiện ý lạc lường dối.

Tại sao diệt nầy lại gọi là quy thú thù thắng? Vì có thể là chỗ nương của tất cả thánh tánh tối thắng .

Tại sao diệt nầy lại gọi là bất tử? Vì lià hẳn sinh.

Tại sao diệt nầy lại gọi là vô nhiệt não? Vì lià hẳn tất cả phiền não nóng, lià hẳn mọi đại nhiệt não của cầu bất đắc khổ.

Tại sao diệt nầy lại gọi là không bùng cháy? Vì lià hẳn tất cả các não loạn của sầu than ưu khổ.

Tại sao diệt nầy lại gọi là an ổn? Vì lià mọi sợ hãi, trụ vào chỗ nương.

Tại sao diệt nầy lại gọi là mát mẽ? Vì chỗ nương của sự lợi ích.

Tại sao diệt nầy lại gọi là lạc sự? Vì lạc sự của đệ nhất nghĩa.

Tại sao diệt nầy lại gọi là hương tối tốt lành? Vì là chỗ nương của phương tiện để tu tập chứng đắc sự an lành kia.

Tại sao diệt nầy lại gọi là vô bệnh? Vì lià hẳn tất cả bệnh chướng ngại.

Tại sao diệt nầy lại gọi là bất động? Vì lià hẳn tất cả tán động.

Tại sao diệt nầy lại gọi là Niết-bàn? Vì là chỗ nương dựa của trụ xứ an vui, vắng lặng, vô tướng.

Tại sao diệt nầy lại gọi là vô sinh? Vì lià các sinh khởi nối tiếp.

Tại sao diệt nầy lại gọi là vô khởi? Vì lià hẳn mọi sinh khởi ở nơi đây cũng như sinh khởi dần dần về sau.

Tại sao diệt nầy lại gọi là vô tạo? Vì lià hẳn sự dẫn dắt theo lực của các nghiệp phiền não đời trước.

Tại sao diệt nầy lại gọi là vô tác? Vì không tạo tác làm chỗ nương của các nghiệp phiền não hiện tại.

Tại sao diệt nầy lại gọi là bất sinh? Vì lià hẳn sự sinh nối tiếp ở vị lai.

Như vậy Diệt đế tổng cộng có bốn thứ hành tướng sai khác: 1. Diệt tướng. 2. Tĩnh tướng. 3. Diệu tướng. 4. Ly tướng.

Thế nào là diệt tướng? Là lià trói buộc của phiền não.

Thế nào là tĩnh tướng? Là lià trói buộc của khổ.

Thế nào là diệu tướng? Là sự việc an vui vắng lặng.

Thế nào là ly tướng? Là sự việc thường lợi lạc.

Thế nào là Đạo đế? Là đạo nầy nên biết khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo là lược nói tướng của đạo đế. Đạo có năm thứ:

1. Đạo tứ lương.

2. Đạo gia hạnh.

3. Kiến đạo.
4. Tu đạo.
5. Đạo rốt ráo.

Thế nào là đạo tư lương? Là tất cả Thi-la (giới) của các dị sinh, giữ gìn căn môn, uống ăn biết lượng, đầu hôm gần sáng thường không ngủ nghỉ, siêng tu chỉ quán, chánh tri mà trụ. Lại có chỗ khác là tinh tiến tu tập các thiện, tuệ do văn, tư, tu tạo thành, tu tập ba pháp này tức thành tựu tánh pháp khí làm chỗ nương cho hiện quán giải thoát.

Thế nào là Đạo gia hạnh? Là có khi đạo tư lương đều là đạo gia hạnh, có khi đạo gia hạnh chẳng phải đạo tư lương. Người đã chứa nhóm đạo tư lương, thì hiện có gốc lành của thuận phần quyết trạch, là Noãn pháp, Đảnh pháp, thuận đế nhãn pháp và Thế đệ nhất pháp.

Thế nào là Noãn pháp? Là mỗi thứ có riêng nội chứng trong các đế, đạt ánh sáng Tam-ma-địa, Bát nhã và các pháp tương ứng.

Thế nào là Đảnh pháp? Là mỗi pháp có riêng nội chứng trong các đế, tăng thêm ánh sáng nơi Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ứng.

Thế nào là Thuận đế nhãn pháp? Là mỗi mỗi đều có riêng nội chứng trong các đế, một phần đã nhập thuận theo Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ứng.

Thế nào là Thế đệ nhất pháp? Là mỗi pháp đều có nội chứng riêng trong các đế, đạt tâm vô gián Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ứng.

Thế nào là Kiến đạo? Hoặc nói chung là Thế đệ nhất pháp Tam-ma-địa vô gián, vô sở đắc, Bát-nhã hoặc tương ứng với các pháp.

Lại nữa, sở duyên và năng duyên trí bình đẳng bình đẳng là tướng. Lại nữa, dứt trừ mỗi pháp có hữu tình giả và pháp giả riêng, để dứt trừ khắp hai thứ giả, pháp trí của đối tượng duyên làm tướng.

Hoặc nói riêng về sự sai khác của kiến đạo, là Thế đệ nhất pháp, vô gián, khổ pháp trí nhãn, khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn, khổ loại trí, tập pháp trí nhãn, tập pháp trí, tập loại trí nhãn, tập loại trí, diệt pháp trí nhãn, diệt pháp trí; diệt loại trí nhãn, diệt loại trí, đạo pháp trí nhãn, đạo pháp trí; đạo loại trí nhãn, đạo loại trí. Mười sáu trí nhãn Như vậy, là tướng sai khác của kiến đạo.

Thế nào là Khổ? Tức là Khổ đế.

Thế nào là Khổ pháp? Là đã khởi giáo pháp của khổ đế tăng thượng. Thế nào là Pháp trí? Là trong đạo gia hạnh quán sát pháp trí của đế tăng thượng.

Thế nào là Trí nhãn? Là trước hết quán sát năng lực tăng thượng, trong mỗi thứ có khổ đế riêng khởi hiện chứng tuệ vô gián, do tuệ này nên xả bỏ hẳn tất cả phiền não.

Thế nào là Khổ pháp trí? Là nhãn vô gián do trí này, đối với phiền não, giải thoát nói trước được tác chứng, gọi là khổ pháp trí.

Thế nào là Khổ loại trí nhãn? Là khổ pháp trí, tuệ vô gián, vô lậu sinh, đối với khổ pháp trí nhãn và khổ pháp trí, mỗi pháp đều có nội chứng riêng, nói rõ các pháp thánh đều là chủng loại này, nên gọi là khổ loại trí nhãn.

Thế nào là Khổ loại trí? Là trí vô gián vô lậu này sinh, xét định và chấp thuận là khổ loại trí nhãn, đó gọi là khổ loại trí.

Như vậy trong các đế còn lại tùy theo sự thích ứng của chúng, các nhãn các trí đều phải biết hết.

Trong vị này do pháp nhãn và pháp trí nên giác ngộ về sở thủ, do loại nhãn và loại trí mà giác ngộ năng thủ. Lại nữa, trong tất cả vị nhãn trí này, gọi là người an trụ quán vô tướng.

Mười sáu tâm sát-na như vậy gọi là Kiến đạo. Đối với cảnh của đối tượng nhận biết trí sinh rất ráo, gọi là một sát-na.

Tất cả đạo đế do bốn thứ tương ứng theo đó mà biết rõ:

1. An lập.
2. Tư duy.
3. Chứng thọ.
4. Viên mãn.

Thế nào là an lập? Là Thanh văn, Độc giác tùy theo điều tự chứng đạt được rất ráo, vì muốn khiến cho người khác cũng biết rõ nên do trí hậu đắc dùng vô lượng thứ danh, cú văn thân để an lập đạo đế.

Thế nào là tư duy? Là chánh tu tập phương tiện hiện quán, dùng trí thế gian như đã an lập, tư duy thực hiện.

Thế nào là chứng thọ? Là đã thường tu tập như vậy rồi, từ nội chứng, thọ nhận quả vị kiến đạo đầu tiên, chính thức là xuất thế gian, dứt các hí luận.

Thế nào là viên mãn? Vì sau quả vị này là chuyển y viên mãn, cho đến chứng đắc rất ráo. Hành giả đã chứng đắc vị rất ráo rồi, lại do trí hậu đắc dùng danh cú, văn thân an lập đạo đế.

Như kệ kinh nói: “Người xa lìa trần cấu là sanh khởi mắt chánh pháp trong các pháp”. Đây là nói theo kiến đạo, vì các pháp nhãn có thể xa trần, các pháp trí có thể lìa cấu, vì biết khắp, dứt trừ hẳn mà đạo được thanh tịnh.

Như Khế Kinh nói: “Kiến pháp, đặc pháp, rất thông đạt về pháp, kiên pháp rất ráo, vượt qua tất cả mong muốn, nghi ngờ mà không nhờ duyên khác. Đối với giáo pháp của đại sư, thì các giáo khác không thể dẫn, trong các pháp chứng đắc vô sở úy”. Đây cũng là nói theo Kiến đạo. “kiến pháp”, là các pháp nhãn. “Đặc pháp”, là các pháp trí. “Rất thông đạt về pháp”, là các loại nhãn. “Kiên pháp rất ráo”, là các loại trí. “Vượt qua tất cả mong muốn”, là do các nhãn trí đối với điều chứng của mình không có tư lự, hy vọng. “Vượt qua tất cả nghi ngờ”, là trong vị này đối với chỗ chứng của người khác không nhờ do dự. “Không mượn duyên”, là trong chỗ tu đạo không có người khác dẫn dắt mà tự nhiên được khéo léo. “Đối với giáo pháp của đại sư, thì các giáo khác không thể dẫn”, là đối với thánh giáo của Phật không bị tà đạo dẫn dụ. “Trong các pháp chứng đắc vô sở úy”, là trong việc hỏi ghi các pháp nương vào điều đã chứng, các tâm yếu đuối không bao giờ có.

Thế nào là Tu đạo? Là tất cả đạo thế gian, đạo xuất thế gian, Nhuyễn đạo, Trung đạo, Thượng đạo, đạo Gia hạnh, đạo vô gián, đạo giải thoát và đạo thắng tiến... Trên kiến đạo, đều gọi là tu đạo.

Thế nào là Đạo thế gian? Là sơ tĩnh lự, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, tĩnh lự thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ của thế gian. Như vậy tĩnh lự vô sắc do bốn thứ tương ứng mà phân biệt rộng:

1. Tạp nhiễm.
2. Thanh bạch.
3. Kiến lập.
4. Thanh tịnh.

Thế nào là tạp nhiễm? Là bốn thứ căn vô ký:

1. Ái.
2. Kiến.
3. Mạn.
4. Vô minh.

Do có ái nên vị tĩnh lự trên bị tạp nhiễm. Do có kiến nên kiến tĩnh lự trên bị tạp nhiễm. Do có mạn nên mạn ở tĩnh lự trên bị tạp nhiễm. Do vô minh nên nghi ở tĩnh lự trên bị tạp nhiễm. Như vậy phiền não thường làm cấu nhiễm tâm, khiến cho phiền não, tùy phiền não của cõi Sắc và cõi Vô Sắc nối tiếp trôi lăn.

Thế nào là thanh bạch? Là tĩnh lự Vô Sắc thanh tịnh, do tánh thiện nên gọi là thanh bạch.

Thế nào là kiến lập? Có bốn thứ kiến lập:

1. Chi phần kiến lập.
2. Đẳng chí kiến lập.
3. Phẩm loại kiến lập.
4. Danh tướng kiến lập.

Thế nào là chi phần kiến lập? Là sơ tĩnh lự có năm chi, năm chi ấy là.

Thế nào là năm chi:

1. Tâm.
2. Tứ.
3. Hỷ.
4. Lạc.
5. Tâm một tánh cảnh. Tĩnh lự thứ hai có bốn chi.

Thế nào là bốn chi:

1. Nội đẳng tĩnh.
  2. Hỷ.
  3. Lạc.
  4. Tâm tánh một cảnh.
- Tĩnh lự có thứ ba có năm chi.

- Thế nào là năm chi:

1. Xả.
2. Niệm.
3. Chánh tri.
4. Lạc.
5. Tâm tánh một cảnh.

- Đệ Tứ tĩnh lự có bốn chi.

Thế nào là bốn chi:

1. Xả thanh tĩnh.
2. Niệm thanh tĩnh.
3. Tâm bất khổ bất lạc.
4. Tâm tánh một cảnh.

Chi tự tánh là của hai thứ chi đối trị và chi lợi ích. Trong các vô sắc không lập chi phần, vì Xa-ma-tha là tánh nhất vị.

Thế nào đẳng chí kiến lập? Là do bảy thứ tác ý chứng nhập sơ tĩnh lự, như vậy cho đến phi tướng phi phi tướng xứ.

Bảy thứ tác ý là?

1. Biết rõ tướng tác ý.
2. Thắng giải tác ý.
3. Xa lìa tác ý.

4. Thân nhiếp lạc tác ý.
5. Quán sát tác ý.
6. Gia hạnh rốt ráo tác ý.
7. Gia hạnh rốt ráo quả tác ý.

Thế nào là phẩm loại kiến lập? Là sơ tĩnh lự có đủ ba bậc hạ trung thượng huân tu. Như sơ tĩnh lự, các tĩnh lự khác và ở cõi Vô sắc ba bậc huân tu cũng vậy. Do phẩm hạ trung thượng huân tu nơi sơ tĩnh lự, nên trong sơ tĩnh lự lại sinh ba thứ dị thực. Như sơ tĩnh lự, trong các tĩnh lự khác hoặc huân tu hoặc sinh quả, mỗi mỗi đều có ba bậc cũng thế. Trong cõi Vô sắc thì không có xứ sở riêng, không lập xứ sở sai khác của quả sinh, nhưng do ba phẩm huân tu của định vô sắc nên dị thực kia khi sinh thì có cao có thấp, có hơn có kém.

Thế nào là danh tướng kiến lập? Là trong sự thâm nhiếp định của sơ tĩnh lự, là sự nhập Tam-ma-địa của đức Phật Thế tôn và Đại Bồ-tát đắc rốt ráo đại oai đức. Tam-ma-địa đó, tất cả Thanh văn, Độc giác hãy còn chưa biết tên, đâu thể biết số, hướng chi là chứng nhập! Như trong định thuộc về sơ tĩnh lự, sự định trong thuộc về cõi Vô sắc của các tĩnh lự khác cũng vậy. Những điều nói như vậy, đều nương vào tĩnh lự ba-la-mật-đa.

Thế nào là thanh tịnh? Là bờ mé định trong sơ tĩnh lự, cho đến biến vực định trong phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Thế nào là đạo xuất thế? Là các phẩm Pháp trí, Loại trí trong Tu đạo, đã thâm nhiếp khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí và các Tam-ma-địa tương ưng kia, thuộc về định Vị Chí, hoặc sự thâm nhiếp của sơ tĩnh lự cho đến Vô sở hữu xứ. Phi tưởng phi phi tưởng xứ chỉ là tướng không sáng rõ thường hiện hành ở thế gian, do đạo lý này nên gọi là vô tướng. Như Đức Thế Tôn nói: “Cho đến Tam-ma-bát-đề hữu tướng mới có khả năng như thật chiếu soi thông đạt. Diệt định cũng thuộc về xuất thế gian, do sự chứng đắc sau thánh đạo phải đối với cõi người mới có thể dẫn phát. Hoặc ở cõi người, hoặc đối với cõi Sắc có thể hiện tiền, sinh cõi Vô sắc thì phần nhiều không hiện khởi. Do trụ nơi dị thực của giải thoát vắng lặng đối với diệt định này phần nhiều không phát khởi phương tiện tinh tiến.

Thế nào là Nhuyến đạo? Là nhuyến nhuyến, nhuyến trung và nhuyến thượng. Do đạo này nên có thể xả ba phẩm phiền não thượng thượng, thượng trung và thượng hạ trong sự trói buộc các địa của ba cõi.

Thế nào là Trung đạo? Là ba đạo phẩm Nhuyến trung, trung trung



và trung thượng. Do đạo này nên có thể xả ba phẩm phiền não trung thượng, trung trung và trung nhuyễn trong chỗ trói buộc các địa của ba cõi.

Thế nào thượng đạo? Là thượng nhuyễn, thượng trung và thượng thượng. Do đạo này nên có thể xả ba phẩm phiền não nhuyễn thượng, nhuyễn trung và nhuyễn nhuyễn trong chỗ trói buộc các địa của ba cõi.

Thế nào là đạo Gia hạnh? Là do đạo này có công năng xả bỏ phiền não, nên gọi là đạo Gia hạnh trong tu đạo.

Thế nào là đạo vô gián? Là do đạo này vô gián dứt hẳn phiền não khiến không còn sót gì.

Thế nào là đạo Giải thoát? Là do đạo này chứng được giải thoát của việc dứt trừ phiền não.

Thế nào là đạo thắng tiến? Vì để đoạn các phẩm phiền não khác nên có các đạo gia hạnh, vô gián, giải thoát, gọi đó là đạo Thắng tiến. Lại nữa, từ bỏ việc đoạn phiền não nơi Gia hạnh, hoặc cần phương tiện để tư duy các pháp, hoặc cần phương tiện an trụ các pháp, hoặc tiến tu tất cả đạo của Tam-ma-bát-đề khác, gọi là đạo Thắng tiến. Lại nữa, vì dẫn phát công đức của Thắng phẩm, hoặc an trụ lại tất cả đạo, nên gọi là đạo Thắng tiến.

Làm thế nào để tu các đạo như vậy? Là đắc tu, tập tu, trừ khử tu và đối trị tu.

Đắc tu, là khi chưa sinh pháp thiện thì tu làm cho sinh.

Tập tu, là đã sinh pháp thiện thì tu cho trụ vững không quên, tăng rộng thêm gấp bội. Trừ khử tu, là pháp ác bất thiện đã sinh thì tu làm cho dứt hẳn. Đối trị tu, là pháp ác bất thiện chưa sinh thì tu làm cho không sinh. Lại nữa, khi đạo sinh thì có thể an lập thói quen của mình, gọi đó là đắc tu. Ngay nơi đạo này hiện tiền tu tập, gọi đó là tập tu. Ngay nơi đạo này khi hiện tiền có thể xả chướng của mình, gọi là trừ khử tu. Ngay trên đạo này đã xả bỏ tự chướng, khiến cho vị lai an trụ pháp bất sinh, gọi là tu đối trị. Lại có bốn thứ đối trị gọi là tu đối trị:

1. Yếm hoại đối trị.
2. Đoạn đối trị.
3. Trì đối trị.
4. Viễn phần đối trị.

Thế nào là yếm hoại đối trị? Là đối với các hạnh hữu lậu thấy nhiều lỗi lầm. Thế nào là đoạn đối trị? Là đạo gia hạnh và đạo vô gián.

Thế nào là trì đối trị? Là đạo giải thoát. Thế nào là viễn phần đối trị?

Là các đạo sau đạo này.

Lại nữa, đạo sai khác có mười một thứ:

1. Đạo Quán sát sự.
2. Cần công dụng.
3. Đạo Tu trị định.
4. Đạo Hiện quán phương tiện.
5. Đạo Thân cận hiện quán.
6. Đạo Hiện quán.
7. Đạo Thanh tịnh xuất ly.
8. Đạo Y căn sai khác.
9. Đạo Tịnh tu ba học.
10. Đạo Phát các công đức.
11. Đạo Biến thâm nhiếp các đạo.

Các đạo như vậy theo thứ lớp là ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, bốn thứ chánh hạnh, bốn thứ pháp tích, Xa-ma-địa, Tỳ-bát-xá-na, ba căn vô lậu.

Tất cả phần pháp Bồ-đề trong đây đều do năm môn mà được kiến lập:

1. Sở duyên.
2. Tự thể.
3. Giúp đỡ.
4. Tu tập.
5. Tu quả.

Đối tượng duyên của bốn niệm trụ, là thân thọ tâm pháp. Lại có bốn sự:

1. Ngã y sự (sự việc nơi chỗ nương của ngã).
2. Ngã thọ dụng sự (việc thọ dụng của ngã).
3. Ngã tự thể sự (việc nơi tự thể của ngã).
4. Ngã nhiễm tịnh sự (sự việc nhiễm tịnh của ngã).

Tự thể, là tuệ và niệm.

Giúp đỡ, là các tâm và tâm sở tương ưng kia.

Tu tập, là đối với nội thân tu theo quán thân. Như thế đối với nội, đối với ngoại, đối với nội ngoại cũng vậy. Nội thân, là trong thân này tất cả nội sắc xứ. Ngoại thân, là tất cả ngoại sắc xứ. Nội ngoại thân là nội sắc tương ưng tất cả ngoại xứ mà căn nương tựa. Lại nữa, tất cả nội sắc xứ trong thân người, làm sao tu theo quán thân? Là dùng phân biệt thân ảnh tượng và thân bản chất bình đẳng, tùy quán. Nội thọ, là nhân nội thân đã sanh thọ. Ngoại thọ, là nhân ngoại thân đã sanh thọ. Nội

ngoại thọ, là nhân đã sanh thọ nội ngoại thân. Như thọ tâm pháp cũng thế. Như đối với thân tu theo thân quán, như vậy đối với thọ tu theo thọ quán tùy chỗ thích ứng của nó.

Lại nữa, tu tập, là dục, cần, sách, lệ, mạnh mẽ, không ngừng, chánh niệm, chánh tri và không buông lung, là tu tập sai khác.

Dục tu tập: Là vì đối trị tùy phiền não không tác ý.

Cần tu tập, là vì đối trị tùy phiền não biếng nhác. Sách tu tập, là đối trị tùy phiền não hôn trầm và trạo cử. Lệ tu tập: Là vì đối trị tùy phiền não của tâm tánh thấp kém. Mạnh mẽ tu tập, là đối trị tùy phiền não mệt nhọc. Bất tức tu tập: Là đối trị tùy phiền não được ít pháp thiện mà sinh hỷ tức. Chánh niệm tu tập, là vì đối trị tùy phiền não quên mất tôn kính. Chánh tri tu tập, là vì đối trị tùy phiền não hủy phạm ăn năn hối hận. Không buông lung tu tập, là đối trị tùy phiền não xả bỏ các ách thiện.

Tu quả, là dứt bốn điên đảo tiến nhập bốn đế, thân... đều lia trôi buộc.

Đối tượng duyên của bốn chánh đoạn, là pháp sở đối trị và chủ thể đối trị đã sinh và chưa sinh.

Tự thể, là tinh tiến.

Giúp đỡ, là tâm và tâm sở tương ứng kia.

Tu tập, là như kệ kinh nói: “Khởi dục, sách, lệ, phát khởi, chánh cần, sách tâm, trì tâm”. Trong các câu đây đều nói về tu chánh cần và chỗ nương. Chỗ nương là dục. Chánh cần là sách, lệ... trong phần chỉ nêu tướng xả và tác ý, vì dục làm tổn giảm hôn trầm, trạo cử, phát khởi chánh cần nên kể là nói sách tâm, trì tâm.

Tu quả, là xả bỏ hết tất cả sở trị, đối với năng đối trị thì hoặc đắc hoặc tăng, đó gọi là tu quả.

Sở duyên của bốn thân tức, là việc làm của định đã thành mãn.

Tự thể là Tam-ma-địa.

Trợ giúp là dục, cần, tâm, quán và các tâm, tâm sở tương ứng của dục, cần... ấy. Thế nào là dục Tam-ma-địa: Là do chú trọng phương tiện xúc với tâm tánh một cảnh.

Thế nào là cần Tam-ma-địa: Là do phương tiện vô gián xúc với tâm tánh một cảnh.

Thế nào là tâm Tam-ma-địa: Là do trước kia tu lực Tam-ma-địa xúc với tâm một tánh cảnh.

Thế nào là quán Tam-ma-địa: Là do nghe giáo pháp khác bên trong tự xét đoán xúc với tâm một tánh cảnh.

Lại nữa, dục Tam-ma-địa, là do khởi dục xúc với tâm tánh một cảnh. Cần Tam-ma-địa, là do sách lệ, phát khởi chánh cần xúc đối với tâm một tánh cảnh. Tâm Tam-ma-địa, là do trì tâm xúc đối với tâm một tánh cảnh. Quán Tam-ma-địa, là do sách tâm xúc với tâm một tánh cảnh.

- Tu tập, là thường tu tập tám thứ hạnh dứt, tám hạnh dứt là:

1. Dục.
2. Tinh tiến.
3. Tín.
4. An.
5. Chánh niệm.
6. Chánh tri.
7. Tư.
8. Xả.

- Tám thứ thù gọn làm thành bốn thứ:

1. Gia hạnh.
2. Nhiếp thọ.
3. Kế thuộc.
4. Đối trị.

- Lại nữa, tu dục, cần, tâm, quán có hai thứ:

1. Nhân duyên tụ tán xa lìa tu (tu xa lìa nhân duyên tụ tán).
2. Bất liệt bất tán hai chỗ nương thuận theo tu.

Tu quả, là đã khéo tu trị Tam-ma-địa, tùy theo chỗ muốn chứng, pháp mình thông đạt có thể tùy tâm thông đạt biến hiện, lại đối với sở pháp của các xứ khác nhau, sẽ chứng được tác dụng chịu đựng tự tại như nguyện ưa thích có khả năng tạo ra các thứ thần thông, v.v... lại có khả năng dẫn pháp công đức thù thắng.

Sở duyên của năm căn, là bốn Thánh đế.

Tự thể, là tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ.

Giúp đỡ, là tâm, tâm sở tương ứng kia.

Tu tập, là tín căn đối với các đế khởi nhẫn có thể hành, tu tập tinh tiến căn đối với các đế đã có thể sinh nhẫn. Vì giác ngộ nên khởi hạnh tinh tiến. Tu tập niệm căn, là đối với các đế đã phát khởi tinh tiến giữ vững niệm khởi không quên thực hành. Tu tập định căn, là đối với các đế đã giữ vững niệm rồi, phát khởi hành tâm một tánh cảnh. Tu tập tuệ căn, là đối với các đế, tâm đã đắc định, khởi hành xét đoán trạch hạnh mà tu tập.

Tu quả, là có thể nhanh chóng phát khởi hiện quán đế, có thể tu

trị noãn, đảnh, dẫn phát nhẫn thế đệ nhất pháp.

Như năm căn, năm lực cũng vậy. Sai khác, là do năm căn này có thể làm tổn giảm sự đối trị chướng nhưng không thể khuất phục, nên gọi là lực.

Sở duyên của bảy giác chi, là tánh như thật của bốn Thánh đế.

Tự thể, là niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỷ, an, định, xả. Niệm là chỗ nương, trạch pháp là chi tự thể, tinh tiến là chi xuất ly, chi hỷ là lợi ích, an định xả là chi không nhiễm ô. Do không nhiễm ô này, nương vào không nhiễm ô thì thể là không nhiễm ô.

Giúp đỡ, là tương ứng tâm, tâm sở kia.

Tu tập, là y chỉ viễn ly, y chỉ vô dục, y chỉ vắng lặng, hồi hướng xả bỏ tu niệm giác chi. Như niệm giác chi, cho đến xả giác chi cũng vậy. Bốn câu như thế đã thứ lớp hiển bày, duyên cảnh bốn đế mà tu tập giác chi.

Tu quả, là phiền não do kiến đạo đoạn đã dứt hẳn trừ.

Sở duyên của tám Thánh đạo: Tức từ đây về sau là tánh như thật của bốn Thánh đế.

Tự thể, là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định. Chánh kiến là chi phân biệt. Chánh tư duy là chi dạy bảo kẻ khác. Chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng là chi khiến kẻ khác tin, vì tánh của kiến, giới, mạng thanh tịnh. Chánh tinh tiến là chi làm thanh tịnh chướng phiền não. Chánh niệm là chi thanh tịnh chướng tùy phiền não. Chánh định là chỉ có thể làm chướng thanh tịnh tối thắng công đức .

Giúp đỡ, là tâm, tâm sở tương ứng kia.

Tu tập, là nói như phần giác chi.

Tu quả, là phân biệt dạy bảo kẻ khác khiến họ tin tưởng, vì chướng phiền não thanh tịnh, chướng tùy phiền não thanh tịnh, chướng tối thắng công đức đã thanh tịnh.

Bốn thứ chánh hạnh:

1. Hạnh khổ trì thông.
2. Hạnh khổ tốc thông.
3. Hạnh lạc trì thông.
4. Hạnh lạc tốc thông.

Khổ trì là độn căn, chưa đắc tĩnh lực căn bản. Khổ tốc là lợi căn chưa đắc tĩnh lực căn bản. Lạc trì là độn căn đã đắc tĩnh lực căn bản. Lạc tốc là lợi căn đã đắc tĩnh lực căn bản.

Bốn thứ pháp tích:

1. Vô tham.
2. Vô sân.
3. Chánh niệm.
4. Chánh định.

Vô tham vô sân có thể khiến cho giới học thanh tịnh tăng thượng. Chánh niệm có thể khiến cho tâm học thanh tịnh tăng thượng. Chánh định có thể khiến cho tuệ học thanh tịnh tăng thượng.

Xa-ma-tha: Là thân giữ tâm bên trong khiến trụ. Đẳng trụ, an trụ, cận trụ, vắng lặng điều thuận, vắng lặng tối cực, chuyên chú một hướng, thân giữ bình đẳng trì.

Tỳ-bát-xá-na: Là quán sát các pháp, quán sát tột cùng tầm tư, khắp chốn quán sát, kỹ càng vì muốn đối trị tướng kiết thô nặng, vì muốn chế phục các điên đảo, khiến cho tâm vô đảo khéo an trụ.

Lại nữa, dựa vào Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na lập bốn thứ đạo: Hoặc có một loại đã đắc Xa-ma-tha, không phải Tỳ-bát-xá-na, loại này nương vào Xa-ma-tha tiến tu Tỳ-bát-xá-na. Hoặc có một loại đã tu đắc Tỳ-bát-xá-na, chẳng phải Xa-ma-tha, loại này nương vào Tỳ-bát-xá-na, tiến tu Xa-ma-tha. Hoặc có một loại không đắc Xa-ma-tha cũng không phải Tỳ-bát-xá-na, loại này chuyên tâm chế phục hôn trầm trạo cử, tu cả hai đạo. Hoặc có một loại đã đắc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây là loại hai đạo Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na hòa hợp bình đẳng cùng chuyển.

Ba căn:

1. Căn vị tri đương tri.
2. Căn dĩ tri.
3. Căn cụ tri.

Thế nào là căn vị tri đương tri? Là nơi đạo gia hạnh và tất cả các căn trong mười lăm tâm sát-na của kiến đạo.

Thế nào là Dĩ tri căn? Là từ tâm sát-na thứ mười sáu của kiến đạo trở lên, tất cả các căn trong tất cả đạo Hữu học. Thế nào là cụ tri căn? Là tất cả các căn của đạo Vô học.

Khi nương vào địa sơ tĩnh lự hiện tu đạo, thì cũng tu tất cả gốc lành thuộc cõi Dục, vì đối với cõi Dục đạt được tự tại. Như nương vào địa sơ tĩnh lự, tu gốc lành của cõi Dục, như vậy khi nương vào tất cả địa nơi cõi trên mà hiện tu đạo, đều có thể tu tập tất cả gốc lành địa dưới cõi dưới, vì đối với giới, địa kia được tự tại.

Thế nào là đạo rốt ráo? Là nương vào định Kim Cương dụ, vì mọi thú thô nặng đã dứt hẳn, tất cả trói buộc đã được dứt hẳn, chứng hẳn tất cả đắc ly hệ. Từ đây thứ lớp là chuyển y vô gián, chứng đắc mười pháp

Vô học của trí tận và trí vô sinh. Mười pháp Vô học ? Là Vô học chánh kiến cho đến Vô học chánh định, Vô học chánh giải thoát và Vô học chánh trí, các pháp như vậy gọi là đạo rốt ráo.

Thế nào gọi là tất cả thô nặng? Nói lược có hai mươi bốn thứ:

1. Nhất thiết biến hành hý luận thô nặng.
2. Lãnh thọ thô nặng.
3. Phiền não thô nặng.
4. Nghiệp thô nặng.
5. Dị thực thô nặng.
6. Tùy phiền não thô nặng.
7. Nghiệp chướng thô nặng.
8. Dị thực chướng thô nặng.
9. Cái thô nặng.
10. Tầm tư thô nặng.
11. Ẩm thực thô nặng.
12. Giao hội thô nặng.
13. Mộng thô nặng.
14. Bệnh thô nặng.
15. Già thô nặng.
16. Tử thô nặng.
17. Lao quỵện thô nặng.
18. Vững chắc thô nặng.
19. Thượng thô nặng.
20. Trung thô nặng.
21. Tế thô nặng.
22. Phiền não chướng thô nặng.
23. Định chướng thô nặng.
24. Sở tri chướng thô nặng.

Thế nào là Hệ đắc? Là đối với thô nặng chứa nhóm giả lập tánh hệ đắc. Thế nào là Ly hệ đắc? Là đối với thô nặng ly tán giả lập tánh ly hệ đắc.

Thế nào là định Kim Cương dụ? Là đối với tất cả Tam-ma-địa của tu đạo sau cùng ở đạo chưa dứt kiết, hoặc thuộc đạo gia hạnh, hoặc đạo vô gián thuộc. Đạo gia hạnh, là từ đây trở đi không còn bị ngại của tất cả chướng có thể phá tất cả chướng. Đạo vô gián thâm nhiếp, là từ đây tận trí vô gián và trí vô sinh phát khởi. Lại nữa, đây là Tam-ma-địa vững chắc vô gián nhất vị đầy đủ cùng khắp. Để hiển bày nghĩa này nên Đức Bạc-già-phạm nói: “Như núi đá lớn, không có khuyết lõm,

không có khe hở, không có một lỗ hổng nào, rất khéo tròn đầy, mười phương gió mạnh không thể lay chuyển”.

Thế nào gọi là chuyển y vô gián? Là người đã chứng đắc ba thứ chuyển y của đạo Vô học. Thế nào là ba thứ chuyển y? Là tâm chuyển y, đạo chuyển y và thô nặng chuyển y.

Thế nào là trí Tận? Là trí do nhân tận mà chứng đắc.

Thế nào là trí vô Sinh? Là do quả dứt mà đắc trí, hoặc duyên quả bất sinh làm cảnh.

Mười pháp Vô học phải biết y chỉ Vô học giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn mà nói.

Như vậy đạo đế gồm có bốn thứ hành tướng sai khác, là đạo tướng, như tướng, hành tướng, xuất tướng.

Thế nào là Đạo tướng? Do đạo tướng này mà tìm cầu nghĩa chân thật. Thế nào là như tướng? Vì có thể đối trị các phiền não. Thế nào là hành tướng? Vì khéo thành tựu tâm không để cho điên đảo. Thế nào là xuất tướng? Vì tiến đến dấu vết của chân thường, là mười sáu hành tướng trong các đế đều có cả thế gian và xuất thế gian. Thế gian và xuất thế gian có gì khác nhau? Đối với cảnh của đối tượng nhận biết có tánh khác nhau là khéo ngộ nhập và không khéo ngộ nhập, có tánh khác nhau là có chướng ngại và không chướng ngại, có tánh sai khác là phân biệt và vô phân biệt. Vì sao? Vì mười sáu hành tướng của thế gian như vô thường, khổ v.v... Trong các đế không khéo thông đạt tánh chân như, vì chỗ tùy miên của phiền não, dựa theo môn danh ngôn khởi hý luận. Hành tướng xuất thế cùng trái với mười sáu hành tướng này, khi hành tướng xuất thế hiện tiền, tuy lại hiện chứng thấy rõ nghĩa vô thường, nhưng không nương vào môn danh ngôn hý luận, thấy đây là nghĩa vô thường. Như hành tướng của vô thường đối với nghĩa vô thường, các hành tướng khác đối với các nghĩa khác, tùy theo sự thích ứng của nó, phải biết cũng vậy.

